BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG - BỘ NỘI VỤ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV	*Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2015*

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư liên tịch này quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành địa chính.

2. Thông tư liên tịch này áp dụng đối với viên chức chuyên ngành địa chính làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 2. Mã số và phân hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính

1. Địa chính viên hạng II	Mã số: V.06.01.01
2. Địa chính viên hạng III	Mã số: V.06.01.02
3. Địa chính viên hạng IV	Mã số: V.06.01.03

Điều 3. Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành địa chính

1. Có tinh thần trách nhiệm cao với công việc được giao, luôn tuân thủ pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của người viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

2. Có tinh thần cầu thị, hợp tác và không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, tích cực nghiên cứu và chủ động áp dụng các thành tựu khoa học trong công tác địa chính; tâm huyết với công việc.

3. Không lợi dụng chức danh, quyền hạn để hoạt động xâm hại đến quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia; không mưu cầu lợi ích cá nhân; giữ gìn bí mật quốc gia trong phạm vi chuyên môn của mình.

4. Có lối sống lành mạnh, gương mẫu; không quan liêu, tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và tích cực đấu tranh với những hành vi tiêu cực.

5. Trung thực, đoàn kết, khách quan, khiêm tốn và không sách nhiễu, gây cản trở khi thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến quyền và lợi ích của công dân.

Chương II
TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 4. Địa chính viên hạng II - Mã số: V.06.01.01

1. Nhiệm vụ:

a) Chủ trì lập hoặc điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quốc gia;

b) Chủ trì tổ chức thực hiện điều tra đánh giá chất lượng, tiềm năng đất đai; thoái hóa, ô nhiễm đất; phân hạng đất (sau đây gọi chung là điều tra, đánh giá đất đai) cấp tỉnh, vùng, quốc gia;

c) Chủ trì việc xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai cấp tỉnh, cấp quốc gia;

d) Chỉ đạo việc xây dựng và tổ chức thực hiện phương án kinh tế - kỹ thuật về đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, thống kê, kiểm kê đất đai, định giá đất, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất các cấp;

đ) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng các chương trình, dự án, chiến lược về nghiên cứu; điều tra cơ bản về quản lý, sử dụng đất đai;

e) Chủ trì tổ chức biên soạn các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật trong quản lý đất đai;

g) Chỉ đạo biên soạn tài liệu và tham gia đào tạo, bồi dưỡng cho viên chức chuyên ngành địa chính từ hạng tương đương trở xuống.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành đất đai, địa chính, trắc địa hoặc chuyên ngành khác có liên quan; nếu tốt nghiệp chuyên ngành

khác phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành do cơ quan quản lý viên chức chuyên ngành địa chính quy định;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT);

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT);

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức địa chính viên hạng II.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm vững chiến lược phát triển lĩnh vực quản lý đất đai và pháp luật đất đai;

b) Có kiến thức chuyên môn về một trong các chuyên ngành liên quan đến đất đai;

c) Có khả năng phân tích, tổng hợp về tình hình kinh tế - xã hội, thông tin phát triển khoa học kỹ thuật liên quan đến công tác đất đai;

d) Có khả năng tổ chức triển khai công tác nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; xây dựng và tổ chức thực hiện phương án kinh tế - kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đo đạc địa chính, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thống kê, kiểm kê đất đai, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất, điều tra đánh giá đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, định giá đất;

đ) Tham gia ít nhất 01 (một) đề án, dự án, đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên hoặc chủ trì 01 (một) đề án, dự án, đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được nghiệm thu ở mức đạt trở lên.

4. Việc thăng hạng chức danh địa chính viên hạng II:

Viên chức thăng hạng từ chức danh địa chính viên hạng III lên chức danh địa chính viên hạng II phải có thời gian công tác giữ chức danh địa chính viên hạng III hoặc tương đương đủ từ 09 (chín) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh địa chính viên hạng III đủ từ 02 (hai) năm trở lên.

Điều 5. Địa chính viên hạng III - Mã số: V.06.01.02

1. Nhiệm vụ:

a) Chủ trì lập hoặc điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện; tham gia lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp quốc gia;

b) Chủ trì xây dựng và thực hiện phương án kinh tế - kỹ thuật về đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; thống kê, kiểm kê đất đai; định giá đất; xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện, xã;

c) Tham gia xây dựng, thực hiện các chương trình, dự án chiến lược về phát triển, nghiên cứu, điều tra cơ bản về quản lý, sử dụng đất đai (đánh giá chất lượng, tiềm năng đất đai, thoái hóa, ô nhiễm đất, phân hạng đất);

d) Tham gia biên soạn các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về đất đai;

e) Tham gia biên soạn tài liệu và đào tạo, bồi dưỡng cho viên chức chuyên ngành địa chính từ hạng tương đương trở xuống;

g) Thực hiện nhiệm vụ quản lý và đề nghị điều chỉnh các vấn đề phát sinh trong phạm vi quyền hạn được giao.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành đất đai, địa chính, trắc địa hoặc chuyên ngành khác có liên quan; nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành do cơ quan quản lý viên chức chuyên ngành địa chính quy định;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức địa chính viên hạng III.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Am hiểu pháp luật đất đai;

b) Có kiến thức chuyên môn về một trong các chuyên ngành liên quan đến đất đai;

c) Nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các quy định khác về đất đai;

d) Có khả năng triển khai thực hiện công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đo đạc địa chính, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thống kê, kiểm kê đất đai, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

4. Việc thăng hạng chức danh địa chính viên hạng III:

Viên chức thăng hạng từ chức danh địa chính viên hạng IV lên chức danh địa chính viên hạng III phải có thời gian công tác giữ chức danh địa chính viên hạng IV, như sau:

a) Đối với trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ cao đẳng trở lên phải có thời gian công tác giữ chức danh địa chính viên hạng IV tối thiểu đủ 02 (hai) năm;

b) Đối với trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ trung cấp phải có thời gian công tác giữ chức danh địa chính viên hạng IV tối thiểu đủ 03 (ba) năm.

Điều 6. Địa chính viên hạng IV - Mã số: V.06.01.03

1. Nhiệm vụ:

a) Tham gia xây dựng và thực hiện các phương án kinh tế - kỹ thuật về đo đạc địa chính, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với cấp xã; tham gia thực hiện các phương án kinh tế - kỹ thuật về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

b) Thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã; tham gia thực hiện điều tra, đánh giá đất đai; tham gia xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai cấp huyện, cấp xã;

c) Thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật đối với từng thửa đất cụ thể về các nội dung: đo đạc lập và chỉnh lý bản đồ địa chính; trích đo địa chính thửa đất; đăng ký đất đai, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; bảo quản khai thác tài liệu, hồ sơ;

d) Thực hiện nhiệm vụ quản lý kỹ thuật trong phạm vi nhiệm vụ được giao theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; phát hiện, đề nghị điều chỉnh trong phạm vi quyền hạn được giao đối với các hoạt động kỹ thuật trái với quy định hiện hành trong công tác được giao;

e) Đề xuất các giải pháp kỹ thuật, cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc các chuyên ngành đất đai, địa chính, trắc địa hoặc chuyên ngành khác có liên quan; nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành do cơ quan quản lý viên chức chuyên ngành địa chính quy định;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm được nội dung cơ bản của pháp luật đất đai; nắm được các quy định của pháp luật, của ngành về công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đo đạc địa chính, đăng ký quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thống kê, kiểm kê đất đai, đánh giá phân hạng đất;

b) Có khả năng vận dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định khác trong công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đo đạc địa chính, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thống kê, kiểm kê đất đai, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất, đánh giá phân hạng đất; nắm chắc nội dung và nghiệp vụ quản lý kỹ thuật, phương pháp tổ chức thực hiện trong phạm vi nhiệm vụ được giao;

c) Nắm được tình hình kinh tế - xã hội có liên quan.

Chương III
BỔ NHIỆM VÀ XẾP LƯƠNG THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 7. Nguyên tắc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp

1. Việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành địa chính phải căn cứ vào vị trí việc làm; tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng; năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và nhiệm vụ viên chức đang đảm nhận.

2. Viên chức được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương phải bảo đảm đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính theo quy định tại Chương I và Chương II của Thông tư liên tịch này.

3. Khi bổ nhiệm từ ngạch viên chức hiện giữ vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính tương ứng không được kết hợp nâng bậc lương và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Điều 8. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp

Trường hợp viên chức đã được chuyển xếp ngạch và xếp lương hoặc bổ nhiệm vào các ngạch địa chính theo quy định tại Quyết định số 07/2008/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức ngành tài nguyên và môi trường (sau đây viết tắt là Quyết định số 07/2008/QĐ-BTNMT) và Thông tư liên tịch số 30/2010/TTLT-BTNMT-BNV ngày 25 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Nội vụ hướng dẫn chuyển xếp ngạch và xếp lương viên chức ngành tài nguyên và môi trường (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 30/2010/TTLT-BTNMT-BNV) được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp, như sau:

1. Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp địa chính viên hạng II (mã số V.06.01.01) đối với viên chức đang giữ ngạch địa chính viên chính (mã số ngạch 14.237).

2. Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp địa chính viên hạng III (mã số V.06.01.02) đối với viên chức đang giữ ngạch địa chính viên (mã số ngạch 14.238).

3. Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp địa chính viên hạng IV (mã số V.06.01.03) đối với viên chức đang giữ các ngạch địa chính viên cao đẳng (mã số ngạch 14.239) và địa chính viên trung cấp (mã số ngạch 14.240).

Điều 9. Cách xếp lương

1. Các chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính được áp dụng Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước (Bảng 3) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây viết tắt là Nghị định số 204/2004/NĐ-CP), như sau:

a) Chức danh nghề nghiệp địa chính viên hạng II áp dụng bậc, hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm 1 (A2.1), từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78.

b) Chức danh nghề nghiệp địa chính viên hạng III áp dụng bậc, hệ số lương của viên chức loại A1, từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98.

c) Chức danh nghề nghiệp địa chính viên hạng IV áp dụng bậc, hệ số lương của viên chức loại B, từ hệ số lương 1,86 đến hệ số lương 4,06.

2. Xếp lương khi viên chức hết thời gian tập sự và được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp:

Sau khi hết thời gian tập sự theo quy định và được cấp có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp thì thực hiện xếp bậc, hệ số lương theo chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm, như sau:

a) Trường hợp viên chức có trình độ tiến sĩ khi được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp địa chính viên hạng III (mã số V.06.01.02) thì xếp bậc 3/9, hệ số lương 3,00 của viên chức loại A1.

b) Trường hợp viên chức có trình độ thạc sĩ khi được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp địa chính viên hạng III (mã số V.06.01.02) thì xếp bậc 2/9, hệ số lương 2,67 của viên chức loại A1.

c) Trường hợp viên chức có trình độ đại học khi được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp địa chính viên hạng III (mã số V.06.01.02) thì xếp bậc 1/9, hệ số lương 2,34 của viên chức loại A1.

d) Trường hợp viên chức có trình độ cao đẳng khi được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp địa chính viên hạng IV (mã số V.06.01.03) thì xếp bậc 2/12, hệ số lương 2,06 của viên chức loại B.

đ) Trường hợp viên chức có trình độ trung cấp khi được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp địa chính viên hạng IV (mã số V.06.01.03) thì xếp bậc 1/12, hệ số lương 1,86 của viên chức loại B.

3. Việc xếp lương vào chức danh nghề nghiệp viên chức quy định tại Khoản 1 Điều này đối với viên chức đã được chuyển xếp ngạch và xếp lương hoặc bổ nhiệm vào các ngạch địa chính theo quy định tại Quyết định số 07/2008/QĐ-BTNMT và Thông tư liên tịch số 30/2010/TTLT-BTNMT-BNV, thực hiện như sau:

a) Trường hợp viên chức đủ điều kiện bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính có hệ số, bậc lương bằng ở ngạch cũ thì thực hiện xếp ngang hệ số, bậc lương và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng ở ngạch cũ (kể cả thời gian xét nâng bậc lương lần sau hoặc xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở ngạch cũ) vào chức danh nghề nghiệp mới được bổ nhiệm.

Ví dụ 1: Ông Phan Văn A đang công tác tại Trung tâm Phát triển quỹ đất trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội, đã bổ nhiệm và xếp ngạch địa chính viên (mã số ngạch 14.238), bậc 5/9, hệ số lương 3,66 từ ngày 01

tháng 01 năm 2013. Nay ông Phan Văn A có đủ điều kiện, tiêu chuẩn và được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp địa chính viên hạng III (mã số V.06.01.02) thì được xếp lương bậc 5/9, hệ số 3,66 của chức danh nghề nghiệp địa chính viên hạng III kể từ ngày quyết định nêu trên có hiệu lực thi hành; thời điểm xét nâng bậc lương lần sau được tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

b) Trường hợp viên chức chuyên ngành địa chính có trình độ cao đẳng, đang xếp lương ở viên chức loại A0 theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP, nay được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp địa chính viên hạng IV (mã số V.06.01.03) thì việc xếp lương được căn cứ vào thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định (trừ thời gian tập sự), như sau:

- Tính từ bậc 2 của chức danh nghề nghiệp địa chính viên hạng IV, cứ sau thời gian 02 năm (đủ 24 tháng) được xếp lên 01 bậc lương (nếu có thời gian đứt quãng mà chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì được cộng dồn); trường hợp trong thời gian công tác có năm không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc bị kỷ luật thì bị kéo dài thêm theo chế độ nâng bậc lương thường xuyên.

- Sau khi chuyển xếp lương vào chức danh nghề nghiệp địa chính viên hạng IV nêu trên, nếu hệ số lương được xếp ở chức danh nghề nghiệp địa chính viên hạng IV cộng với phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) thấp hơn hệ số lương đang hưởng ở ngạch cũ thì được hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng hệ số lương (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có) đang hưởng ở ngạch cũ; hệ số chênh lệch bảo lưu này được hưởng trong suốt thời gian viên chức xếp lương ở chức danh nghề nghiệp địa chính viên hạng IV. Sau đó, nếu viên chức được thăng hạng chức danh nghề nghiệp thì được cộng hệ số chênh lệch bảo lưu này vào hệ số lương (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có) đang hưởng để xếp lương vào chức danh được bổ nhiệm khi thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thôi hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu kể từ ngày hưởng lương ở chức danh nghề nghiệp mới.

Ví dụ 2: Ông Nguyễn Văn B, tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành Địa chính, được tuyển dụng vào làm việc tại Trung tâm Phát triển quỹ đất trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang, đóng bảo hiểm xã hội từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 và hiện giữ ngạch địa chính viên cao đẳng (mã số ngạch 14.239), bậc 3/10, hệ số lương 2,72 của viên chức loại A0 kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014; trong thời gian công tác luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao, không bị kỷ luật. Nay ông Nguyễn Văn B có đủ tiêu chuẩn và được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp địa chính viên hạng IV (mã số V.06.01.03) thì việc xếp bậc, hệ số lương, như sau:

- Thời gian công tác của ông Nguyễn Văn B từ ngày 01 tháng 01 năm 2008, trừ thời gian tập sự 06 tháng, tính từ bậc 2 của chức danh nghề nghiệp địa chính viên hạng IV và cứ 02 năm xếp lên 1 bậc thì đến ngày 01 tháng 7 năm 2014, ông Nguyễn Văn B được xếp vào bậc 5/12, hệ số lương 2,66 của chức danh nghề nghiệp địa chính viên hạng IV kể từ ngày quyết định nêu trên có hiệu lực thi

hành; thời điểm xét nâng bậc lương lần sau được tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2014; đồng thời ông Nguyễn Văn B được hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu 0,06 (2,72 - 2,66).

- Đến ngày 01 tháng 7 năm 2016 (đủ 02 năm), nếu ông Nguyễn Văn B đủ điều kiện, tiêu chuẩn sẽ được cơ quan có thẩm quyền nâng bậc lương thường xuyên lên bậc 6/12, hệ số lương 2,86 của chức danh nghề nghiệp địa chính viên hạng IV và tiếp tục được hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu 0,06 (tổng hệ số lương được hưởng là 2,92).

4. Viên chức chuyên ngành địa chính đạt kết quả kỳ thi hoặc xét thăng hạng và được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính hạng trên liền kề thì việc xếp lương thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch này và theo hướng dẫn tại Khoản 1, Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Điều khoản áp dụng

Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức có trách nhiệm tạo điều kiện để viên chức bổ sung những tiêu chuẩn còn thiếu của chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính quy định tại Thông tư liên tịch này đối với viên chức đã được chuyển xếp ngạch và xếp lương hoặc bổ nhiệm vào các ngạch địa chính theo quy định tại Quyết định số 07/2008/QĐ-BTNMT và Thông tư liên tịch số 30/2010/TTLT-BTNMT-BNV.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư liên tịch này là căn cứ để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức chuyên ngành địa chính trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Các tổ chức sự nghiệp ngoài công lập được vận dụng các quy định này để tuyển dụng, sử dụng và quản lý nhân lực làm công tác địa chính.

3. Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực tiếp quản lý, sử dụng viên chức có trách nhiệm:

a) Rà soát các vị trí việc làm của đơn vị, lập phương án chuyển xếp viên chức đang giữ các ngạch địa chính sang chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính (sau đây viết tắt là phương án chuyển xếp) đối với viên chức thuộc phạm vi quản lý theo Biểu mẫu kèm theo Thông tư liên tịch này, gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính theo thẩm quyền hoặc theo phân cấp, ủy quyền sau khi phương án chuyển xếp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Tổng hợp phương án chuyển xếp của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, gửi bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để xem xét, phê duyệt;

b) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính theo thẩm quyền hoặc theo phân cấp, ủy quyền sau khi phương án chuyển xếp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc chuyển xếp chức danh nghề nghiệp;

b) Phê duyệt phương án chuyển xếp của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; giải quyết theo thẩm quyền những vướng mắc trong quá trình chuyển xếp chức danh nghề nghiệp;

c) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính theo thẩm quyền;

d) Hàng năm, báo cáo kết quả bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành địa chính thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2016.

2. Bãi bỏ các quy định về chức danh và mã số các ngạch viên chức chuyên ngành địa chính tại Quyết định số 01/2008/QĐ-BNV ngày 04 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành chức danh và mã số ngạch các ngạch viên chức ngành tài nguyên và môi trường.

3. Bãi bỏ các quy định về tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức chuyên ngành địa chính tại Quyết định số 07/2008/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức ngành tài nguyên và môi trường.

4. Bãi bỏ các quy định về hướng dẫn chuyển xếp ngạch và xếp lương viên chức chuyên ngành địa chính tại Thông tư liên tịch số 30/2010/TTLT-BTNMT-BNV ngày 25 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Nội vụ hướng dẫn chuyển xếp ngạch và xếp lương viên chức ngành tài nguyên và môi trường.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện Thông tư liên tịch này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp và chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ **THỨ TRƯỞNG**	**KT. BỘ TRƯỞNG** **BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG** **THỨ TRƯỞNG**
Trần Anh Tuấn	**Trần Hồng Hà**

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương các Hội, đoàn thể;
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ TN&MT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng và các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Bộ Nội vụ: Bộ trưởng, các Thứ trưởng và các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ TN&MT, Bộ Nội vụ;
- Lưu: Bộ TN&MT (VT, Vụ TCCB), Bộ Nội vụ (VT, Vụ CC-VC).BH375.

Tên đơn vị cấp trên trực tiếp..
Tên đơn vị.....

PHƯƠNG ÁN CHUYỂN XẾP VIÊN CHỨC CÁC NGẠCH CHUYÊN NGÀNH ĐỊA CHÍNH SANG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH ĐỊA CHÍNH

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Nội vụ)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc lương đang hưởng							Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương được chuyển xếp						
		Nam	Nữ		Mã số ngạch	Bậc trong ngạch	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm hưởng	Phụ cấp chức vụ (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Mã số chức danh	Bậc trong chức danh	Hệ số lương	% phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Thời điểm tính nâng bậc lương hoặc % PCTN vượt khung lần sau	Phụ cấp chức vụ (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
I. Viên chức chuyên môn kỹ thuật giữ chức danh lãnh đạo được bổ nhiệm																		
II. Viên chức chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật (kể cả những viên chức đang tập sự)																		
III. Lao động hợp đồng đã xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ																		

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(ký tên)

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN TỔ CHỨC CÁN BỘ
(ký tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên và đóng dấu)